

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN ANH CUÔNG^{1,*}, NGUYỄN TUẤN VINH²

¹Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*Email: tacuong@vnuhcm.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ thực hiện các nội dung quản lý hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị cho sinh viên tại các trường đại học thuộc Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát trên 235 cán bộ tham gia quản lý hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị ở 6 trường đại học cho thấy các nội dung quản lý hoạt động giáo dục này đều được thực hiện đầy đủ và thường xuyên. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở một số nội dung giữa cán bộ quản lý từ phòng công tác sinh viên và từ các khoa chuyên môn. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị tại Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Giáo dục tư tưởng chính trị, Sinh viên, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

1. MỞ ĐẦU

Tư tưởng chính trị (TTCT) là toàn bộ các quan điểm về chế độ xã hội, về quan hệ giai cấp, đảng phái và quan hệ dân tộc, về vấn đề nhà nước theo lợi ích của một giai cấp nhất định. Nó là sự phản ánh quyền lợi giai cấp và các phương thức hoạt động xã hội để bảo vệ quyền lợi của giai cấp ấy. Nói một cách ngắn gọn hơn, TTCT là các quan điểm về toàn bộ hoạt động gắn với những quan hệ giữa các giai cấp, dân tộc và các nhóm xã hội khác nhau theo lợi ích của một giai cấp nào đó (Nguyễn Đình Đức, 1996). Như vậy, dù có thể tồn tại dưới nhiều tên gọi và hình thức khác nhau, TTCT và giáo dục TTCT (GDTTCT) luôn là hoạt động không thể thiếu ở bất kỳ quốc gia nào.

GDTTCT là hoạt động hướng tới con người, thông qua một hệ thống các biện pháp tác động nhằm truyền thụ tri thức, khái niệm, quan điểm về chế độ xã hội, về quan hệ giai cấp, đảng phái và quan hệ dân tộc, về vấn đề nhà nước theo lợi ích của một giai cấp nhất định, rèn luyện kỹ năng và lối sống, bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách phù hợp với mục đích, mục tiêu chuẩn bị cho đối tượng tham gia hoạt động sản xuất và đời sống xã hội.

Quy chế công tác sinh viên (CTSV) đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (2016) xác định tổ chức các hoạt động giáo dục, tuyên truyền là một trong những nội dung công tác sinh viên. Hoạt động giáo dục, tuyên truyền gồm có: Giáo dục tư tưởng chính trị; giáo dục đạo đức lối sống; giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật; giáo dục kỹ năng: kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm...; giáo dục thể chất và giáo dục thẩm mỹ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016). Theo đó, GDTTCT là một nội dung không thể thiếu trong công tác giáo dục và đào tạo toàn diện sinh viên ở trường đại học.

Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) có 07 trường đại học thành viên với hơn 69.000 sinh viên đại học chính quy (ĐHQG-HCM, 2019). Với quy mô sinh viên lớn như vậy, bên cạnh hoạt động đào tạo, công tác sinh viên được Đảng ủy, Ban Giám đốc đặt làm trọng tâm, đặc biệt là nội dung GDTTCT luôn được quan tâm và đặt lên hàng đầu. Các hoạt động GDTTCT được tổ chức với nhiều nội dung phong phú và giải pháp triển khai phù hợp với đặc thù tại các cơ sở đào tạo góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, rèn luyện sinh viên, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong ĐHQG-HCM. Tuy nhiên, thực tế triển khai công tác này vẫn còn nhiều vấn đề khó khăn và phức tạp trong quản lý hoạt động, cần được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và thực tiễn để tìm ra những biện pháp quản lý hiệu quả hơn.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể khảo sát là 235 người là cán bộ và chuyên viên tham gia quản lý công tác GDTTCT bao gồm lãnh đạo và chuyên viên phòng CTSV (64 người), lãnh đạo và trợ lý công tác sinh viên của 57 Khoa chuyên môn (171 người) ở 06 trường thành viên của ĐHQG-HCM gồm Trường ĐH Bách Khoa, Trường ĐH KHTN, Trường ĐH KHXH&NV, Trường ĐH Quốc Tế, Trường ĐH CNTT, Trường ĐH Kinh tế - Luật. Trường ĐH An Giang không được lựa chọn nghiên cứu vì mới trở thành viên ĐHQG-HCM từ 13/08/2019. Trong số 235 người được khảo sát có:

- 64 CB phòng CTSV có 30 nam (chiếm 45,3%), 34 nữ (chiếm 54,7%), tuổi trung bình là 32 (cao nhất là 56 tuổi, thấp nhất là 24, độ lệch chuẩn 7,62). Về thâm niên công tác trong trường ĐH, có 05 người đã công tác trên 20 năm, 08 người có thâm niên công tác từ 11 đến 19 năm, 31 người có thâm niên từ 6 năm đến 10 năm, 20 người có thâm niên từ dưới 5 năm. Về thâm niên làm công tác quản lý SV, có 04 người đã công tác trên 20 năm, 09 người có thâm niên công tác từ 11 đến 19 năm, 33 người có thâm niên từ 6 năm đến 10 năm, 18 người có thâm niên từ dưới 5 năm. Về trình độ, 03 người có trình độ tiến sĩ, 44 người có trình độ thạc sĩ, 17 người còn lại có trình độ ĐH.

- 171 lãnh đạo, trợ lý CTSV ở các khoa có 115 nam (chiếm 67,2%), 56 nữ (chiếm 32,8%), tuổi trung bình là 42 (cao nhất là 59, thấp nhất là 26, độ lệch chuẩn 7,62). Về thâm niên công tác trong trường ĐH, có 85 người đã công tác trên 20 năm, 38 người có thâm niên công tác từ 11 đến 19 năm, 31 người có thâm niên từ 6 năm đến 10 năm, 17 người có thâm niên từ dưới 5 năm. Về thâm niên làm công tác quản lý SV, có 68 người đã công tác trên 20 năm, 48 người có thâm niên công tác từ 11 đến 19 năm, 29 người có thâm niên từ 6 năm đến 10 năm, 26 người có thâm niên từ dưới 5 năm. Về trình độ, 121 người có trình độ tiến sĩ, 34 người có trình độ thạc sĩ, 16 người còn lại có trình độ ĐH.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính là điều tra bằng bảng hỏi với công cụ là bảng hỏi gồm 7 câu hỏi đóng dành cho tất cả khách thể nghiên cứu trên. 05 câu hỏi này tương ứng với 05 nội dung quản lý GDTTCT được xác định trên cơ sở lý luận về khoa học quản lý giáo dục nói chung (Trần Kiểm, 2015) và những đặc trưng của hoạt động GDTTCT nói riêng đó là: (1) Quản lý xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình GDTTCT; (2) Quản lý quá trình triển khai GDTTCT; (3) Quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất; (4) Quản lý sự phối hợp giữa các lực lượng GDTTCT; (5) Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDTTCT.

Mỗi câu hỏi bao gồm một số item tương ứng với những nội dung quản lý chi tiết biểu hiện ở 5 mức độ thực hiện được qui thành điểm tương ứng từ 1-5 cụ thể như sau: Không thực hiện;

Thỉnh thoảng; Bình thường; Đầy đủ; Rất đầy đủ.

Số liệu khảo sát được xử lí bằng phương pháp thống kê toán học thông qua phần mềm IBM SPSS 23.0.

Độ tin cậy của thang đo được đảm bảo thông qua kiểm định hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,89.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Số liệu khảo sát toàn bảng hỏi cho thấy tất cả các nội dung quản lý hoạt động GDTTCT cho SV được CB phòng CTSV và lãnh đạo, trợ lý CTSV các khoa thực hiện ở mức thường xuyên với điểm trung bình chung dao động từ 3,58 – 4,08. Điều này là do hằng năm, ĐHQG-HCM đều có các Kế hoạch định hướng GDTTCT SV nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung trọng tâm và các biện pháp cụ thể để triển khai có hiệu quả công tác này trong năm học, yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện và báo cáo định kỳ 6 tháng 1 lần. Kết quả khảo sát chi tiết từng nội dung quản lý được trình bày cụ thể dưới đây.

3.1. Quản lý xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục tư tưởng chính trị

Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình GDTTCT được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây

Bảng 1. *Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình GDTTCT*

Nội dung	P. CTSV (n = 64)		Khoa (n = 171)		Chung (n = 235)	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Xác định mục tiêu, chương trình GDTTCT SV dựa trên mục tiêu tổng thể giáo dục.	3,80	0,62	3,93	0,64	3,90	0,64
Triển khai, quán triệt mục tiêu, chương trình GDTTCT trong toàn hệ thống.	3,67	0,57	3,83	0,67	3,79	0,65
Lấy ý kiến của giảng viên, CBQL, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, chuyên gia và SV về mục tiêu, nội dung và chương trình GD	3,50	0,56	3,81	0,46	3,73	0,51
Rà soát, bổ sung chương trình đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.	3,84	0,57	3,73	0,54	3,76	0,55

Ghi chú: ĐTB – Điểm trung bình; ĐLC – Độ lệch chuẩn; $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Xét theo điểm trung bình, tất cả các nội dung thành phần đều được thực hiện ở mức thường xuyên. Điểm trung bình theo đánh giá của lãnh đạo và trợ lý CTSV khoa cao hơn so với CB phòng CTSV ở hầu hết các tiểu nội dung, trừ tiểu nội dung 4. Đặc biệt, kết quả kiểm định sự khác biệt về điểm trung bình (t-test) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 2 nhóm khách thể này đối với 2 tiểu nội dung “Triển khai, quán triệt mục tiêu, chương trình GDTTCT trong toàn hệ thống” (Sig-2tailed = 0,36) và “Lấy ý kiến góp ý của giảng viên, CBQL, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, chuyên gia và SV” (Sig-2tailed = 0,02). Điều này là phù hợp với thực tế là sự tác động từ các khoa chuyên môn đến với sinh viên thường trực tiếp và toàn diện hơn từ phòng CTSV.

Qua quan sát, theo dõi kế hoạch hoạt động Đoàn Thanh niên, Hội SV, phòng CTSV và Báo cáo tổng kết năm học của các trường, chúng tôi nhận thấy rằng: Việc quản lý, xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình GDTTCT SV được các đơn vị thực hiện nghiêm túc, thống nhất theo các tiêu chí nêu trên. Qua phỏng vấn một số CB làm công tác GDTTCT ở các trường và khoa, họ đều cho rằng những định hướng về GDTTCT SV của các trường thành viên ĐHQG-HCM hiện nay là khá đúng đắn và thống nhất.

3.2. Quản lý quá trình triển khai giáo dục tư tưởng chính trị

Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý quá trình triển khai hoạt động GDTTCT được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Bảng 2. Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý quá trình triển khai hoạt động GDTTCT

Nội dung	P. CTSV (n = 64)		Khoa (n = 171)		Chung (n = 235)	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Chỉ đạo lực lượng GDTTCT thực hiện đúng nội dung, chương trình.	3,89	0,48	3,99	0,67	3,96	0,62
Tổ chức hoạt động GDTTCT phù hợp với đặc thù SV, đối tượng ngành nghề, khóa học.	3,94	0,75	4,09	0,63	4,05	0,67
Đổi mới hình thức, phương pháp GDTTCT, lấy SV làm trung tâm, hướng SV đến việc tự học và tự rèn.	3,94	0,66	3,77	0,55	3,82	0,59
Gắn GDTTCT SV với thực tiễn địa phương và yêu cầu của xã hội.	3,78	0,60	3,83	0,52	3,82	0,55

Ghi chú: ĐTB – Điểm trung bình; ĐLC – Độ lệch chuẩn; $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Quá trình triển khai hoạt động GDTTCT đều được lãnh đạo phòng CTSV và các Khoa quản lý ở mức độ thường xuyên. Điểm đáng chú ý là có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa 2 nhóm khách thể đến từ phòng CTSV và các khoa đối với tiêu nội dung “Đổi mới hình thức, phương pháp GDTTCT, lấy SV làm trung tâm, hướng SV đến việc tự học và tự rèn” với giá trị sig-2tailed là 0,41. Phòng CTSV thực hiện nội dung này thường xuyên hơn các khoa.

3.3. Quản lý tài chính, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị

Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý tài chính, cơ sở vật chất trong hoạt động GDTTCT được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Nội dung này cũng được CBQL thực hiện ở mức độ thường xuyên với mức điểm trung bình 3,79 – 3,99. Điểm trung bình của các khoa có chênh lệch theo hướng cao hơn phòng CTSV trong tất cả các tiêu nội dung. Trong đó, các tiêu nội dung “Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, cơ sở vật chất” và “Xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn lực tài chính đúng quy định của pháp luật” có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình của 2 nhóm khách thể này. Báo cáo tổng kết CTSV, hoạt động Đoàn Thanh niên, Hội SV của các trường cũng đã đánh giá rằng: Việc đầu tư các nguồn lực, cơ sở hạ tầng và thiết bị, đặc biệt là hệ thống máy tính, CNTT phục vụ cho hoạt động GDTTCT SV của các trường đã và đang được quan tâm, thực hiện trong những năm gần đây. Các quy định về việc sử dụng và bảo quản cũng như các biện pháp kiểm kê, đánh giá hằng năm đã được chú trọng. Tuy vậy, theo trao đổi của một số

CB làm công tác GDTTCT, các trường cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị để đảm bảo phục vụ tốt hơn các hoạt động của nhà trường nói chung, GDTTCT SV nói riêng trong tình hình mới.

Bảng 3. *Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý tài chính, cơ sở vật chất trong hoạt động GDTTCT*

Nội dung	P. CTSV (n = 64)		Khoa (n = 171)		Chung (n = 235)	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Khảo sát, đánh giá thực trạng tài chính, trang thiết bị, cơ sở vật chất... phục vụ GDTTCT	3,63	0,68	3,85	0,89	3,79	0,85
Xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn lực tài chính đúng quy định của pháp luật.	3,75	0,64	4,08	0,63	3,99	0,65
Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, cơ sở vật chất	3,55	0,64	3,91	0,77	3,81	0,76

Ghi chú: ĐTB – Điểm trung bình; ĐLC – Độ lệch chuẩn; $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

3.4. Quản lý sự phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục tư tưởng chính trị

Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý sự phối hợp các lực lượng tham gia GDTTCT được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Bảng 4. *Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý sự phối hợp các lực lượng tham gia GDTTCT*

Nội dung	P. CTSV (n = 64)		Khoa (n = 171)		Chung (n = 235)	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động GDTTCT	3,78	0,49	3,85	0,50	3,83	0,50
Xây dựng kế hoạch phối hợp tổ chức hoạt động GDTTCT hàng năm	3,92	0,45	3,97	0,40	3,96	0,41
Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra tổng kết việc thực hiện cơ chế và kế hoạch phối hợp.	3,70	0,55	3,82	0,47	3,79	0,49

Ghi chú: ĐTB – Điểm trung bình; ĐLC – Độ lệch chuẩn; $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Nội dung quản lý này được thực hiện ở mức độ thường xuyên. Hầu hết các trường đều xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động GDTTCT, xây dựng kế hoạch phối hợp tổ chức hoạt động GDTTCT SV hàng năm, xác định rõ mục tiêu, nội dung, hình thức, thời gian, trách nhiệm của các bên, nguồn lực cần thiết để tổ chức các hoạt động GDTTCT SV. Sau đó, tổ chức, triển khai, chỉ đạo, kiểm tra tổng kết việc thực hiện cơ chế và kế hoạch phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động GDTTCT đạt được mục tiêu theo kế

hoạch đề ra. Hằng năm, ĐHQG-HCM đã ban hành kế hoạch về công tác chính trị - tư tưởng SV ĐHQG-HCM có định hướng theo chủ đề năm của ĐHQG-HCM và khuyến khích các đơn vị vận dụng sáng tạo trên cơ sở phát huy sự phối hợp với các đơn vị, các địa phương qua các văn bản ký kết liên tịch theo thẩm quyền.

3.5. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị

Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động GDTTCT được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Bảng 5. Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động GDTTCT

Nội dung	P. CTSV (n = 64)		Khoa (n = 171)		Chung (n = 235)	
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
Xây dựng mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, tiêu chí, quy trình kiểm tra, đánh giá	3,56	0,56	3,77	0,52	3,72	0,54
Tổ chức thực hiện quy trình kiểm tra, đánh giá.	3,83	0,68	3,87	0,43	3,86	0,51
Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá	3,55	0,69	3,76	0,59	3,70	0,62

Ghi chú: ĐTB – Điểm trung bình; ĐLC – Độ lệch chuẩn; $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Phòng CTSV và các khoa thực hiện nội dung này ở mức thường xuyên. Từ bảng số liệu, có sự khác biệt về điểm trung bình giữa 2 nhóm khách thể ở 2 nội dung là “Xây dựng mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, tiêu chí, quy trình kiểm tra, đánh giá” và “Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá”. Điều này là dễ hiểu bởi lẽ phòng CTSV các trường chủ yếu nắm các số liệu báo cáo tổng thể do các khoa tổng hợp và gửi lên, trong lúc đó các khoa trực tiếp thực hiện việc đánh giá kết quả GDTTCT và lấy đó làm tiêu chí để xem xét các vấn đề khác có liên quan.

4. KẾT LUẬN

GDTTCT là một nội dung giáo dục không thể thiếu trong các trường đại học Việt Nam, nhằm góp phần tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, vừa “hồng” vừa “chuyên” đáp ứng mục tiêu của Đảng, Nhà nước trong xây dựng và phát triển đất nước. Để thực hiện hiệu quả hoạt động giáo dục quan trọng này, cần nhấn mạnh vai trò quản lý của lãnh đạo phòng CTSV và các khoa chuyên môn ở các trường đại học. Kết quả nghiên cứu ở 6 trường đại học thuộc ĐHQG-HCM được trình bày trên đây cho thấy cán bộ quản lý đã thực hiện thường xuyên và đầy đủ các nội dung quản lý hoạt động GDTTCT cho sinh viên. Đây là nguyên nhân chủ yếu để tạo nên chất lượng của hoạt động giáo dục này trong thời gian qua tại ĐHQG-HCM.

Tuy nhiên, để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDTTCT, cần phối hợp thực hiện các biện pháp sau: (1) Nâng cao nhận thức CBQL về tầm quan trọng của công tác GDTTCT; (2) Đổi mới nội dung, hình thức tổ chức hoạt động GDTTCT; (3) Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDTTCT; (4) Phát triển đội ngũ làm công tác GDTTCT; (5) Tăng cường điều kiện tổ chức và quản lý hoạt động GDTTCT SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy*, Ban hành theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT.

- [2] Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2019). *Lời giới thiệu*, <https://vnuhcm.edu.vn/ve-dhqg-hcm/33396864>, ngày truy cập 22/10/2019.
- [3] Nguyễn Đình Đức (1996). *Những yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến tư tưởng chính trị của sinh viên, thực trạng và giải pháp*. Luận án phó tiến sĩ Triết học, Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- [4] Trần Kiểm (2015). *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Title: MANAGEMENT OF POLITICAL AND IDEOLOGICAL EDUCATION FOR STUDENTS AT THE UNIVERSITIES WHICH BELONG TO THE VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY

Abstract: This study was conducted to evaluate the management of political and ideological education activities for students at the universities which belong to Vietnam National University - Ho Chi Minh City. Survey results on 235 managers at six universities show that managers implemented thoroughly and regularly the management of these educational activities. There were statistically significant differences in some items between managers from the Office of Student Affairs and Faculties. From the research results, we proposed some measures to improve the effectiveness of the management of political and ideological education at the Vietnam National University - Ho Chi Minh City.

Keywords: Political and ideological education, students, Vietnam National University - Ho Chi Minh City.